**Ngày soạn 17/09/2023**

**Tiết 5: Bài 3: KHÁI NIỆM, VAI TRÒ CỦA GIỐNG TRONG CHĂN NUÔI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được khái niệm giống vật nuôi.

- Trình bày được vai trò của giống trong chăn nuôi.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

Lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp để tìm hiểu thêm về các giống vật nuôi ở địa phương. Thu thập số liệu, phân tích về tình hình phát triển ngành chăn nuôi tại địa phương.

***Năng lực riêng:***

* Trình bày được khái niệm giống vật nuôi và điều kiện công nhận giống vật nuôi.

- Trình bày được vai trò của giống trong chăn nuôi.

**3. Phẩm chất**

Có ý thức tìm hiểu về đặc điểm, vai trò của giống vật nuôi để ứng dụng trong sản xuất tại gia đình và địa phương.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

* Giáo án, SHS, SGV Công nghệ chăn nuôi 11.
* Tranh, ảnh, video.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Học sinh**

* SHS Công nghệ chăn nuôi 11.
* Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (7 phút)

**1, Mục tiêu:**Thông qua hình ảnh và các câu hỏi gợi ý giúp HS gợi nhớ lại những kiến thức đã có về giống vật nuôi.

**2, Nội dung:**GV sử dụng hình ảnh phần dẫn nhập SHS tr.20 và trả lời câu hỏi.

**3, Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về giống vật nuôi và điều kiện để công nhận giống vật nuôi và chuẩn kiến thức của GV.

**4, Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV trình chiếu và hướng dẫn HS quan sát hình ảnh phần dẫn nhập:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Thế nào là giống vật nuôi? Điều kiện để công nhận giống vật nuôi là gì? Giống có vai trò gì trong chăn nuôi?*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát hình ảnh, vận dụng kiến thức đã được học trong chương trình Công nghệ 7 để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi mở đầu trang 20

*+ Khái niệm: Là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.*

*+ Điều kiện để công nhận giống vật nuôi là:*

* *Vật nuôi trong cùng một giống phải có chung nguồn gốc.*
* *Có ngoại hình, năng suất giống nhau.*
* *Có tính di truyền ổn định.*
* *Số lượng vật nuôi đủ lớn, phân bố rộng.*
* *Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận.*

*+ Vai trò của giống trong chăn nuôi:*

* *Quyết định đến năng suất chăn nuôi.*
* *Quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV dẫn dắt HS vào bài học:***Bài 3 – Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC :**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về giống vật nuôi**

1. **Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS hiểu thế nào là giống vật nuôi một số cách phân loại giống vật nuôi và các điều kiện để công nhận giống vật nuôi.
2. **Nội dung:**

- GV tổ chức cho HS nghiên cứu Hình 3.1 trong SGK, thảo luận để trả lời câu hỏi: *Phân tích đặc điểm ngoại hình đặc trưng của các giống gà.*

- GV tổ chức cho HS nghiên cứu mục I.1 trong SGK, thảo luận để trả lời câu hỏi: *Phân tích khái niệm giống vật nuôi, các căn cứ để phân loại giống vật nuôi, các điều kiện để công nhận giống vật nuôi.*

1. **Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về khái niệm giống vật nuôi, các cách phân loại giống vật nuôi và các điều kiện để công nhận giống vật nuôi; gọi tên và phân biệt được các giống vật nuôi qua đặc điểm ngoại hình của chúng và chuẩn kiến thức của GV.
2. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về khái niệm***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, quan sát Hình 3.1 SHS tr.20 và trả lời câu hỏi:  *+ Phân tích đặc điểm ngoại hình đặc trưng của các giống gà.*  - GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, đọc mục I.1 SHS tr.20, 21 và trả lời câu hỏi:  *+ Phân tích khái niệm giống vật nuôi, các căn cứ để phân loại giống vật nuôi.*  **-**GV trình chiếu cho HS xem về giống vật nuôi mới được công nhận tại Việt Nam:   |  |  | | --- | --- | | *Ngỗng xám* | *Ngựa Cabardin* | | *Lợn Duroc* | *Dê Sanen* | | *Vịt Sín Chéng* | *Lợn Mường Tè* |   **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin, quan sát Hình 3.1 để trả lời câu hỏi:  **Đặc điểm ngoại hình đặc trưng:**  **+ Gà Ri**: gà mái có lông vàng rơm, chân vàng, đầu nhỏ, thanh. Gà trống có lông đỏ tía, cánh và đuôi có lông đen, dáng chắc khỏe, ngực vuông và mào đứng.  **+ Gà Đông Tảo**: đầu to, mào nụ, mắt sâu, chân to xù xì có nhiều hàng vảy, xương to, da đỏ ở bụng.  **+ Gà Chọi**: chân cao, mình dài, cổ cao, cựa sắc và dài.  **+ Gà Ác**: thân hình nhỏ, nhẹ, thịt xương đen, lông trắng tuyền, mỏ, chân cũng màu đen.  - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 cặp HS trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.  ***Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu điều kiện để công nhận giống vật nuôi***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, quan sát Hình 3.2 SHS tr.21 và trả lời câu hỏi:  *+ Quan sát H3.2 và cho biết điều kiện để công nhận giống vật nuôi*  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS đọc thông tin, quan sát Hình 3.2 để trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 cặp HS trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  - GV chuyển sang nhiệm vụ mới. | **I. Giống vật nuôi**  ***1.* *Khái niệm***  **-**Khái niệm: là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người.  - Phân loại giống vật nuôi:  + Dựa vào nguồn gốc.  + Dựa vào mức độ hoàn thiện của giống.  + Dựa vào mục đích khai thác.  ***2. Điều kiện để công nhận giống vật nuôi***  - Vật nuôi trong cùng một giống phải có chung nguồn gốc.  - Có ngoại hình, năng suất giống nhau.  - Có tính di truyền ổn định.  - Số lượng vật nuôi đủ lớn, phân bố rộng.  - Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận. |

**Hoạt động 2. Tìm hiểu về vai trò của giống trong chăn nuôi**

1. **Mục tiêu:**Thông qua hoạt động, HS hiểu yếu tố giống quyết định đến năng suất cũng như chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
2. **Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS thảo luận, phân tích Bảng 3.1 SGK và chứng minh rằng: *Cùng một chế độ nuôi dưỡng, chăm sóc nhưng các giống khác nhau cho năng suất khác nhau*.

*­*- GV yêu cầu HS quan sát Bảng 3.2 SGK và trả lời hỏi: *Chứng minh yếu tố giống tác động đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.*

1. **Sản phẩm:**Câu trả lời của HS về trong cùng một điều kiện nuôi dưỡng, các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho năng suất cũng như chất lượng khác nhau và chuẩn kiến thức của GV.
2. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về giống quyết định đến năng suất chăn nuôi***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc thông tin Bảng 3.1 SHS tr.24 và trả lời câu hỏi:  *+ Chứng minh rằng, cùng một chế độ nuôi dưỡng, chăm sóc nhưng các giống khác nhau cho năng suất khác nhau*.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, giải quyết tình huống mục Kết nối năng lực SHS tr.22  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin, quan sát Bảng 3.1 và mục kết nối năng lực trang 22 để trả lời câu hỏi:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 cặp HS trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  - GV chuyển sang nhiệm vụ mới.  ***Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về giống quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS quan sát Bảng 3.2 SHS tr.21 và trả lời câu hỏi:  *+ Quan sát H3.2 và cho biết chất lượng sản phẩm chăn nuôi của một số giống vật nuôi*  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS đọc thông tin, quan sát Bảng 3.2 để trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 cặp HS trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  - GV chuyển sang nhiệm vụ mới. | **II. Vai trò của giống trong chăn nuôi**  ***1. Quyết định đến năng suất chăn nuôi***  - Trong cùng điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc thì các giống vật nuôi khác nhau sẽ cho năng suất trứng khác nhau:  + Gà Ai Cập có năng suất trứng khoảng 250-280 quả/năm.  + Gà Ri có năng suất trứng khoảng 90-120 quả/năm.  + Gà Mía có năng suất trứng khoảng 60-70 quả/năm.  + Gà Leghorn có năng suất trứng khoảng 160-220 quả/năm.  ***2. Quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi***  Giống là yếu tố quan trọng nhất quyết định đến chất lượng các sản phẩm chăn nuôi (ví dụ: thịt, trứng, sữa…giống vật nuôi khac snhau sẽ cho chất lượng sản phẩm chăn nuôi khác nhau |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu:**

HS vận dụng kiến thức đã tiếp thu để trả lời các câu hỏi

**b.Nội dung:** Câu hỏi phần luyện tập SGK trang 22.

**c.Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS phần luyện tập SGK trang 22

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về giống quyết định đến năng suất chăn nuôi***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi:  + Nhóm 1: Giống vật nuôi là gì? Trình bày vai trò của các giống vật nuôi và cho ví dụ minh họa.  + Nhóm 2: Để được công nhận giống vật nuôi cần các điều kiện nào sau đây?   |  |  | | --- | --- | | **STT** | **Điều kiện** | | 1 | Có đặc điểm ngoại hình và năng suất giống nhau | | 2 | Cùng sống chung trong một địa bàn | | 3 | Có tính di truyền ổn định | | 4 | Vật nuôi phải sinh ra từ cùng bố mẹ | | 5 | Có số lượng đủ lớn và địa bàn phân bố rộng | | 6 | Vật nuôi cùng giống phải có chung nguồn gốc | | 7 | Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận |   **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  Hoạt động nhóm, vận dụng kiến thức đã học trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - Gọi nhóm bất kì trả lời câu hỏi, yêu cầu 1 số nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV yêu cầu các cặp HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá cho điểm các nhóm đã có câu trả lời chính xác. | Nhóm 1:  Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loại, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người; giống vật nuôi phải có số lượng nhất định để nhân giống và di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau.  Vai trò của các giống vật nuôi:   * Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi. * Giống vật nuôi quyết định đến chất lượng sản phản chăn nuôi.   Ví dụ minh họa:   * Giống Gà Mía cho năng suất trứng khoảng 60-70 quả/năm.   Giống Gà Leghorn cho năng suất trứng khoảng 160-220 quả/năm  Nhóm 2:   * Để được công nhận giống vật nuôi cần các điều kiện: * 1. Có đặc điểm ngoại hình và năng suất giống nhau * 3. Có tính di truyền ổn định * 5. Có số lượng đủ lớn và địa bàn phân bố rộng * 6. Vật nuôi cùng giống phải có chung nguồn gốc * 7. Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu:**

HS vân dụng kiến thức tổng hợp để quan sát các giống vật nuôi ở gia đình, địa phương nêu những đặc điểm đặc trưng của từng giống

**b.Nội dung**: Học sinh mô tả được đặc điểm của các nhóm vật nuôi có ở gia đình và địa phương

**c.Sản phẩm học tập:**  Câu trả lời của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

Yêu cầu HS Quan sát các giống vật nuôi ở gia đình, địa phương, nêu những đặc điểm đặc trưng của từng giống.

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc nhóm nội dung được giao

***\*Báo cáo kết quả:***

Câu trả lời của HS.

***\*Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, điều chỉnh và đưa đáp án.